ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 1, 2, 3, 5

Que đếm hoặc dải giấy, dây mềm để bó, khay, giấy và bút. Chuẩn bị đủ lượng nêu trong từng nhiệm vụ; có thể dùng lại vật sau mỗi nhiệm vụ.

CÁCH TỔ CHỨC

Mỗi bó có đủ 10 que nhìn thấy; que ngoài bó là đơn vị rời. Có thể tháo bó và đếm lại để kiểm.

Mỗi nhiệm vụ bắt đầu theo dữ kiện riêng. Vùng làm để trống để em tự xếp, viết hoặc ghi cách kiểm trên giấy.

LƯU Ý CHUNG

Trong các số 51–99, chữ số bên trái ghi số chục, chữ số bên phải ghi số đơn vị. Kiểm cả hai phần trước khi ghi nhãn.

Có thể dùng các bó đã kiểm đủ 10 và que rời để tự kiểm, hoặc tháo đếm lại nếu cần. Không chỉ đoán theo chiều dài hàng que.

Cho trẻ viết số khi đề yêu cầu; ghi riêng việc tự viết với việc nhờ ghi. Dạy ký hiệu số đồng thời giữ cơ hội dùng lời và vật để thể hiện hiểu lượng.

Bài 1 · tr. 01 Tạo, đọc và viết 51–69

Mục tiêu Tạo, đọc và viết các số 51–69 bằng chục và đơn vị.

Ví dụ Năm bó chục và 1 que rời là 51 que, đọc năm mươi mốt, viết 51. Sáu chục và 0 đơn vị là 60; sáu chục và 9 đơn vị là 69.

Đề Câu 1 Tự lấy 56 que. Sắp theo chục và đơn vị rồi đọc số của cả nhóm.

Câu 1 · tr. 02 Có 5 chục 6 đơn vị, tất cả 56 que; đọc năm mươi sáu.

Đề Câu 2 Đọc rồi viết số que trong mô hình. Giải thích hai phần.

Câu 2 · tr. 02 Có 6 chục 9 đơn vị, tất cả 69 que; đọc sáu mươi chín, viết 69.

Câu 3 · tr. 03 Viết 51,58,66. Chỉ được phần chục, phần đơn vị của một số khi kiểm.

Câu 4 · tr. 03 Không có que rời; có 6 bó chục nên 60 que, viết 60. Chữ số 0 ghi 0 đơn vị rời.

LT 1 · tr. 03 59. Mô hình gồm 5 bó, mỗi bó đủ 10 que, và 9 que rời; có tất cả 59 que.

Bài 2 · tr. 04 Tạo, đọc và viết 71–89

Mục tiêu Tạo, đọc và viết các số 71–89 bằng bảy hoặc tám chục và các đơn vị.

Ví dụ Bảy bó chục và 2 que rời là 72 que, đọc bảy mươi hai, viết 72. Tám chục và 7 đơn vị là 87, không phải 78.

Câu 1 · tr. 05 Có 7 chục 8 đơn vị, tất cả 78 que; đọc bảy mươi tám, viết 78.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Câu 2 · tr. 05 Có 8 bó đủ 10 và 3 que rời, tất cả 83 que.

Câu 3 · tr. 06 Viết 71,75,81,89. Có thể chia lượt viết thành hai phần; không ghi tự viết nếu đã được viết hộ.

Câu 4 · tr. 06 Mô hình có 8 chục 7 đơn vị nên 87, không phải 78. Viết 87 và giải thích thứ tự chữ số.

Bài 3 · tr. 07 Tạo, đọc và viết 91–99

Mục tiêu Tạo, đọc và viết các số 91–99 bằng chín chục và các đơn vị.

Câu 1 · tr. 08 Có 9 bó đủ 10 và 5 que rời, tất cả 95 que; đọc chín mươi lăm.

Câu 2 · tr. 08 Có 9 chục 9 đơn vị, tất cả 99 que; đọc chín mươi chín, viết 99.

Câu 3 · tr. 09 Viết 91,94,98. Có thể dùng vật kiểm một số đã viết.

Câu 4 · tr. 09 Chọn 96:9 chục 6 đơn vị. Chữ số 9 bên trái chỉ 9 chục, chữ số 6 bên phải chỉ 6 đơn vị.

Bài 4 · tr. 10 Đếm tiếp qua mốc chục đến 100

Mục tiêu Đếm từng số qua 60,90,100 và nối 100 với mười bó chục; viết dãy ngắn.

100 que hoặc dải giấy, dây mềm, khay, giấy và bút. Người lớn có thể chuẩn bị các bó theo lượng trẻ chỉ định và giúp buộc dây.

Câu 1 · tr. 10 58,59,60,61,62. Số ngay sau 59 là 60.

Câu 2 · tr. 10 88,89,90,91,92. Số ngay sau 89 là 90.

Câu 3 · tr. 11 99 thêm 1 thành 100;10 que rời gộp thành một bó mới, cùng 9 bó cũ thành 10 bó. Không còn que rời. Số ngay sau 99 là 100.

Câu 4 · tr. 11 Viết 98,99,100. Chỉ 100 cho lời đọc một trăm;100 là 10 chục, không phải một chục.

Với 100, dùng cách diễn đạt 10 chục và đọc một trăm. Không áp dụng lời “chữ số 1 chỉ một chục” của số hai chữ số cho 100.

Bài 5 · tr. 12 Ghi và tự kiểm lượng 51–100

Mục tiêu Dùng số 51–100 để tạo lượng, viết nhãn và tự sửa theo chục, đơn vị.

Câu 1 · tr. 12 Có 5 nhóm 10 và 7 thẻ rời, tất cả 57 thẻ; viết 57.

Câu 2 · tr. 13 Có 8 chục,0 đơn vị rời, tất cả 80 thẻ; viết 80.

LT 1 · tr. 13 Viết 73: có 7 chục và 3 đơn vị. Nhãn 37 đã đổi chỗ chữ số chỉ chục và chữ số chỉ đơn vị.

LT 2 · tr. 13 Viết 94: có 9 bó chục và 4 que rời. Cả nhóm có chín mươi tư que.

Câu 3 · tr. 14 Có 6 chục 9 đơn vị nên 69 bút; viết 69. Hai chữ số bị đổi vị trí trong nhãn 96.

Câu 4 · tr. 14 Viết 65,90,100. Lượng tương ứng 6 chục 5 đơn vị;9 chục 0 đơn vị;10 chục 0 đơn vị.